

**UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
NĂM 2016**

- Bảng cân đối kế toán hợp nhất
- Kết quả SXKD hợp nhất
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
- Thuyết minh BCTC hợp nhất

Mẫu số B01 - DN

Mẫu số B02 - DN

Mẫu số B03 - DN

Mẫu số B09 - DN

Hà Nội, ngày tháng năm 2017



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính : VNĐ

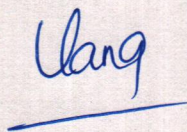
| TÀI SẢN | MÃ SỐ | TM | SỐ CUỐI KỲ | SỐ ĐẦU NĂM |
|--|------------|----|--------------------------|--------------------------|
| A-TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 2.195.861.263.987 | 2.543.425.146.754 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | | 512.986.067.928 | 516.057.873.796 |
| 1. Tiền | 111 | | 197.486.067.928 | 395.702.771.629 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 315.500.000.000 | 120.355.102.167 |
| II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 197.181.610.000 | 97.147.306.834 |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | | - | - |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | | - | - |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | | 197.181.610.000 | 97.147.306.834 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 1.240.670.888.600 | 1.602.568.110.736 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | | 491.881.510.892 | 725.484.200.607 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | | 471.520.296.197 | 583.785.316.684 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐ xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | | 168.766.309.159 | 168.866.809.159 |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | | 101.982.413.684 | 169.786.281.858 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | | (25.000.000) | (52.294.944.868) |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | 6.545.358.668 | 6.940.447.296 |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 170.332.332.727 | 246.040.791.054 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 170.332.332.727 | 246.301.800.671 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | - | (261.009.617) |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 74.690.364.732 | 81.611.064.334 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | 33.302.101.151 | 38.566.819.090 |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | 35.469.441.151 | 31.361.978.725 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu NN | 153 | | 5.918.822.430 | 9.188.489.803 |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ | 154 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | 2.493.776.716 |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 2.345.921.310.658 | 2.490.181.662.196 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 310.194.574.040 | 293.269.890.302 |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | 247.809.671.435 | 232.327.917.975 |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | 3.254.470.807 | 10.663.672.118 |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | - | - |
| 4. Phải thu dài hạn khác | 216 | | 59.226.767.180 | 59.577.150.975 |
| 5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | (96.335.382) | (9.298.850.766) |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 663.877.510.335 | 900.074.076.375 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | | 624.853.698.004 | 829.246.718.821 |
| - Nguyên giá | 222 | | 1.016.061.595.255 | 1.300.572.884.456 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (391.207.897.251) | (471.326.165.635) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| - Nguyên giá | 225 | | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 226 | | - | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | | 39.023.812.331 | 70.827.357.554 |
| - Nguyên giá | 228 | | 42.389.660.703 | 76.637.896.182 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (3.365.848.372) | (5.810.538.628) |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | | 278.973.191.951 | 240.099.525.789 |
| - Nguyên giá | 231 | | 345.056.263.115 | 295.168.196.522 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 232 | | (66.083.071.164) | (55.068.670.733) |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 551.076.592.579 | 495.674.533.217 |
| 1. Chi phí sản xuất, KD dở dang dài hạn | 241 | | 420.204.247.337 | 346.966.178.880 |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | | 130.872.345.242 | 148.708.354.337 |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 330.047.005.373 | 365.115.423.972 |

| | | | | |
|--|--------------|--|--------------------------|--------------------------|
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | 31.466.433.001 | 70.072.866.002 |
| 2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh | 252 | | 240.830.849.135 | 255.624.853.970 |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | 57.225.965.110 | 48.517.704.000 |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | - | (9.100.000.000) |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | 523.758.127 | - |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 211.752.436.380 | 195.948.212.541 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | | 211.752.436.380 | 195.945.349.541 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | - | - |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | - | - |
| 4. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | 2.863.000 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200) | 270 | | 4.541.782.574.645 | 5.033.606.808.950 |
| NGUỒN VỐN | MÃ SỐ | | SỐ CUỐI KỲ | SỐ ĐẦU NĂM |
| A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330) | 300 | | 2.368.736.379.026 | 2.904.904.156.608 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 1.777.391.082.439 | 2.161.637.844.987 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | | 190.169.825.586 | 177.977.018.840 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | | 19.921.394.906 | 43.966.153.916 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước | 313 | | 55.232.360.567 | 76.364.104.054 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 13.649.200.572 | 27.896.598.717 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | | 67.861.888.215 | 60.851.692.039 |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | - | - |
| 7. Phải trả theo tiến độ hợp đồng XD | 317 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | 12.234.186.268 | 25.494.571.257 |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | | 295.903.037.625 | 488.384.522.144 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | | 1.084.781.843.081 | 1.202.791.178.089 |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | - | - |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | | 37.637.345.619 | 57.912.005.931 |
| 13. Quỹ bình ổn giá | 323 | | - | - |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ | 324 | | - | - |
| II. NỢ DÀI HẠN | 330 | | 591.345.296.587 | 743.266.311.621 |
| 1. Phải trả dài hạn người bán | 331 | | 4.526.433.306 | 4.690.451.899 |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | 79.522.949.988 | 79.522.949.988 |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn | 333 | | - | 39.873.000 |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | - | - |
| 5. Phải trả dài hạn nội bộ | 335 | | - | - |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | | 202.045.529.589 | 222.580.243.800 |
| 7. Phải trả dài hạn khác | 337 | | 142.430.340.489 | 227.467.135.702 |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | | 162.820.043.215 | 208.965.657.232 |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | - | - |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | - | - |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | - | - |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | | - | - |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | - | - |
| B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430) | 400 | | 2.173.046.195.619 | 2.128.702.652.342 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | | 2.173.046.195.619 | 2.128.702.652.342 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 1.800.180.290.470 | 1.808.212.941.733 |
| -Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 1.800.180.290.470 | 1.808.212.941.733 |
| -Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 8.068.171.139 | 252.180.000 |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | - | - |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | - | - |
| 5. Cổ phiếu quỹ | 415 | | - | - |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | 80.012.486.535 | 101.642.330.088 |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | - | - |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 64.267.129.623 | 59.043.343.386 |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | - | - |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | - | - |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 1.324.052.912 | (31.902.681.399) |
| -LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | (20.466.031.146) | (40.070.776.666) |
| -LNST chưa phân phối lũy kỳ này | 421b | | 21.790.084.058 | 8.168.095.267 |

| | | | | |
|---------------------------------------|------------|--|--------------------------|--------------------------|
| 11. Nguồn vốn đầu tư XDCB | 422 | | 19.068.404.117 | 22.777.776.697 |
| 12. Lợi ích cổ đông không kiểm soát | 429 | | 200.125.660.823 | 168.676.761.837 |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | | |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | | | |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ | 432 | | | |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 4.541.782.574.645 | 5.033.606.808.950 |

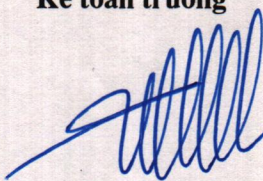
Ngày 30 tháng 3 năm 2017

Người lập biểu



Nguyễn Thu Hằng

Kế toán trưởng



Đỗ Tuệ Tâm

Tổng giám đốc



Vũ Thanh Sơn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

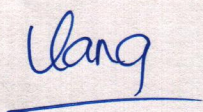
Năm 2016

Đơn vị tính : VNĐ

| CHỈ TIÊU | MÃ SỐ | NĂM NAY | NĂM TRƯỚC |
|--|-----------|--------------------------|--------------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 |
| 1. DT bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 4.263.782.551.083 | 4.736.885.856.306 |
| 2. Các khoản giảm trừ | 02 | 15.302.068.693 | 25.436.494.858 |
| 3. DT thuần về BH và cung cấp dịch vụ | 10 | 4.248.480.482.390 | 4.711.449.361.448 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | 3.868.558.853.524 | 4.111.437.570.944 |
| 5. Lợi nhuận gộp về BH và cung cấp DV | 20 | 379.921.628.866 | 600.011.790.504 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 294.638.833.600 | 218.835.480.109 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | 98.574.893.796 | 213.797.614.372 |
| Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | 95.510.706.602 | 175.824.801.082 |
| 8. Chi phí bán hàng | 24 | 267.116.057.914 | 309.162.143.046 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | 260.819.146.935 | 265.781.797.326 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD | 30 | 48.050.363.821 | 30.105.715.869 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | 51.870.091.420 | 15.916.002.049 |
| 12. Chi phí khác | 32 | 37.191.604.667 | 10.608.023.894 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | 14.678.486.753 | 5.307.978.155 |
| 14. Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong Công ty liên kết, liên doanh | 50 | | |
| 15. Tổng LN KT trước thuế (60=30+40) | 60 | 62.728.850.574 | 35.413.694.024 |
| 16a. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 61 | 15.512.279.475 | 13.422.579.953 |
| 16b. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 62 | | |
| 17. LN sau thuế TNDN | 70 | 47.216.571.099 | 21.991.114.071 |
| 17.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số | | 1.366.083.391 | (4.251.302.065) |
| 17.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông TCT | | 45.850.487.708 | 26.242.416.136 |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 80 | | |

Lập ngày 30 tháng 3 năm 2017

Người lập biểu



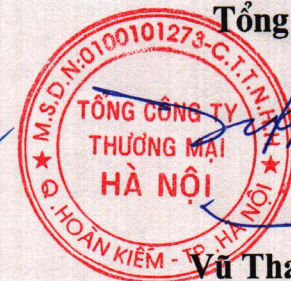
Nguyễn Thu Hằng

Kế toán trưởng



Đỗ Tuệ Tâm

Tổng giám đốc



Vũ Thanh Sơn

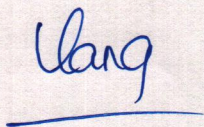
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp trực tiếp)
Năm 2016

Đơn vị tính : VNĐ

| CHỈ TIÊU | MÃ SỐ | NĂM NAY | NĂM TRƯỚC |
|--|-----------|----------------------------|----------------------------|
| 1 | 2 | 4 | 5 |
| 1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác | 01 | 3.555.172.975.105 | 4.026.972.379.124 |
| 2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ | 02 | (2.185.281.997.652) | (2.875.531.771.196) |
| 3. Tiền chi trả cho người lao động | 03 | (153.750.962.370) | (196.360.378.792) |
| 4. Tiền chi trả lãi vay | 04 | (58.084.378.573) | (88.101.691.072) |
| 5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp | 05 | (18.508.696.569) | (33.044.948.383) |
| 6. Tiền thu khác từ hoạt động sản xuất kinh doanh | 06 | 2.793.578.030.234 | 7.302.278.308.702 |
| 7. Tiền chi khác cho hoạt động sản xuất kinh doanh | 07 | (1.660.375.562.065) | (6.666.968.401.533) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | 2.272.749.408.110 | 1.469.243.496.850 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | - | - |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác | 21 | (22.413.127.621) | (12.309.020.171) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác | 22 | 2.271.764.214 | 771.166.363 |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | (628.898.108.454) | (60.149.712.825) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | 427.416.678.454 | 50.466.915.037 |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | (4.350.830.000) | (10.142.838.607) |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | 29.397.622.000 | 89.169.700.000 |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 7.580.163.467 | 6.160.088.948 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | (188.995.837.940) | 63.966.298.745 |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | - | - |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | 380.565.145.890 | 906.036.086.000 |
| 2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | (200.000.000.000) | - |
| 3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được | 33 | 2.184.285.248.507 | 1.152.796.766.896 |
| 4. Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | (4.443.996.618.388) | (3.400.921.986.987) |
| 5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính | 35 | - | - |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | (7.883.652.765) | 18.399.717.808 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | (2.087.029.876.756) | (1.323.689.416.283) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40) | 50 | (3.276.306.586) | 209.520.379.312 |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | 60 | 516.250.855.876 | 306.513.073.233 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | 11.518.638 | 24.421.251 |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61) | 70 | 512.986.067.928 | 516.057.873.796 |

Lập ngày 30 tháng 3 năm 2017

Người lập biểu



Nguyễn Thu Hằng

Kế toán trưởng



Đỗ Tuệ Tâm

Tổng giám đốc



Vũ Thanh Sơn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2016

I- Đặc điểm hoạt động của Tổng công ty

- 1- Hình thức sở hữu vốn: Vốn Nhà Nước
- 2- Lĩnh vực kinh doanh: Trong nước, ngoài nước
- 3- Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh xuất nhập khẩu, Thương mại nội địa, Đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng thương mại.
- 4- Tổng số các Công ty con: 15 Công ty
- 5- Danh sách các Công ty quan trọng được hợp nhất:

5.1- Công ty mẹ - Tổng công ty

Địa chỉ: 38-40 Lê Thái Tổ - Hoàn Kiếm – Hà Nội

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%

Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%

5.2- Công ty TNHH MTV XNK và Đầu tư Hà Nội

Địa chỉ: 41 Ngô Quyền – Hoàn Kiếm – Hà Nội

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%

Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%

5.3- Công ty CP Thực phẩm Hà Nội

Địa chỉ: 24 – 26 Trần Nhật Duật – Hoàn Kiếm – Hà Nội

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 51.567%

Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 51.567%

5.4- Công ty CP TMDV Tràng Thi

Địa chỉ: 12 – 14 Tràng Thi – Hoàn Kiếm – Hà Nội

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 53.33%

Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 53.33%

5.5- Công ty Cổ phần Thủy Tạ

Địa chỉ: Số 1 -6 Lê Thái Tổ – Hoàn Kiếm – Hà Nội

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 51.245%

Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 51.245%

5.6- Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Chợ Bưởi

Địa chỉ: Chợ Bưởi – Phường Bưởi – Tây Hồ - Hà Nội

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 62%

Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 62%

5.7- Công ty Cổ phần Gốm Chu Đậu

Địa chỉ: Thái Tân - Nam Sách - Hải Dương

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 51%

Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 51%

5.8- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủ công mỹ nghệ và Du lịch thương nhân Hapro

Địa chỉ: 11B Tràng Thi – Hoàn Kiếm – Hà Nội

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 52.5%

Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 52.5%

5.9- Công ty Cổ phần Sự kiện và ẩm thực Hapro

Địa chỉ: 172 Ngọc Khánh – Ba Đình – Hà Nội

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 51%

Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 51%

5.10- Công ty Cổ phần Rượu Hapro

Địa chỉ: KCN Thực phẩm Hapro – Lệ Chi – Gia Lâm – Hà Nội

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 54.58%

Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 54.58%

5.11- Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại Hapro Đà Nẵng

Địa chỉ: Lô A1-3 Lê Văn Hiến, Quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 78.575%

Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 78.575%

5.12- Công ty Cổ phần Phát triển siêu thị Hà Nội

Địa chỉ: 38-40 Lê Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 83.42%

Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 83.42%

- Về hiệu quả hoạt động kinh doanh:

Tổng công ty Thương mại Hà Nội đã có những tăng trưởng đáng ghi nhận trong năm 2016 :

- Tổng số vốn chủ sở hữu của TCT: 2.173 tỷ đồng;
- Tổng vốn nhà nước: 1.880 tỷ đồng;
- Tổng doanh thu: 4.594 tỷ đồng;
- Lợi nhuận: 62,728 tỷ đồng;

Kinh tế - xã hội nước ta năm 2016 diễn ra trong bối cảnh trong và ngoài nước có những yếu tố thuận lợi nhưng cũng còn không ít khó khăn, thách thức. Kinh tế xã hội trong nước mặc dù chịu nhiều tác động và ảnh hưởng của tình hình kinh tế - chính trị thế giới nhưng vẫn tiếp tục đà phục hồi, có nhiều chuyển biến và đạt được những kết quả tích cực, kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định, tình sản xuất kinh doanh nhìn chung thuận lợi do những tín hiệu nỗ lực đẩy mạnh và thúc đẩy hoạt động khu vực doanh nghiệp của Chính phủ, đẩy mạnh cải cách thể chế và tái cơ cấu kinh tế, tình hình kinh tế vĩ mô cũng có nhiều tín hiệu tích cực. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, kinh tế trong nước vẫn còn tồn tại những khó khăn như: năng suất lao động thấp; nhưng tín hiệu tiêu dùng của người dân vẫn chưa thực sự khả quan, cạnh tranh trong lĩnh vực thương mại ngày càng khốc liệt do các nhà đầu tư nước ngoài có xu thế đầu tư ồ ạt vào Việt Nam nên phần nào đã ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các Đơn vị và của Tổng công ty.

*** Về kinh doanh và phát triển thị trường nội địa:**

- Công tác phục vụ Tết Bính Thân 2016 và triển khai phục vụ Tết Quý Dậu 2017:

- Đã triển khai và hoàn thành tương đối tốt công tác phục vụ Tết nguyên đán Bính thân 2016, mặc dù doanh thu chưa đạt kế hoạch đặt ra, tuy nhiên Tổng công ty đã tận dụng được cơ hội để thúc đẩy hoạt động kinh doanh, góp phần phục vụ nhân dân đón Tết an toàn, lành mạnh, đảm bảo an toàn tuyệt đối về người, hàng hóa, cơ sở vật chất, tạo điều kiện quảng bá sản phẩm, hình ảnh thương hiệu của TCT và các Công ty thành viên trong TCT. Tổng doanh thu phục vụ Tết Nguyên đán Bính Thân 2016 của Tổng công ty đạt 255 tỷ đồng.

- Trên cơ sở những kết quả đạt được trong dịp Tết 2016 và căn cứ vào tình hình thực tế của thị trường, hiện nay Tổng công ty đã xây dựng kế hoạch để triển khai chương trình kinh doanh phục vụ trong dịp Tết Quý Dậu 2017, trong đó sẽ tiếp tục triển khai với hình thức: bán buôn, bán lẻ, kinh

doanh Giỏ quà Tết. Công tác bán lẻ phục vụ Tết sẽ được tổ chức tại trên 60 địa điểm thuộc hệ thống các Siêu thị, cửa hàng tiện ích, cửa hàng chuyên doanh của TCT, đồng thời các đơn vị trong Tổng công ty cũng chủ động tận dụng tối đa diện tích trước các điểm bán hoặc trước các trụ sở của đơn vị để tổ chức các gian hàng ngoài trời theo hình ảnh chung của TCT để phục vụ nhu cầu mua sắm nhanh của người tiêu dùng. Bên cạnh đó, Tổng công ty tiếp tục tổ chức 01 điểm bán hàng theo mô hình Chợ Tết tại huyện Ứng Hòa, Hà Nội.

Tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ dự trữ và doanh thu Tết Đinh Dậu 2017 của Tổng công ty ước tăng khoảng 05% so với Tết Quý Thân 2016.

- **Công tác dự trữ hàng hóa cứu trợ và tham gia bình ổn giá:** năm 2016 mặc dù không có chương trình hỗ trợ vốn vay ưu đãi cho chương trình Bình ổn giá, Tổng công ty vẫn chủ động đăng ký tham gia dự trữ hàng hóa bằng nguồn vốn huy động và vốn tự có của doanh nghiệp để dự trữ hàng hóa phục vụ công tác cứu trợ, bảo lũ và phục vụ công tác bình ổn giá với số tổng giá trị khoảng trên 500 tỷ đồng.

- **Công tác bán hàng Phiên Chợ Việt, bán hàng nông thôn, bán hàng lưu động:** đến thời điểm hiện tại, Tổng công ty đã hoàn thành kế hoạch Bán hàng nông thôn, Phiên Chợ Việt, bán hàng lưu động năm 2016 với 100 chuyến bán hàng (gồm: 22 Phiên Chợ Việt và 78 chuyến bán hàng lưu động) tại các Huyện, Thị, các Khu công nghiệp, khu chế xuất ngoại thành Hà Nội.

- Phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh thương mại nội địa:

Trước những khó khăn của tình hình kinh tế nói chung trong giai đoạn hiện nay để tiếp tục giữ vững và đẩy mạnh hoạt động kinh doanh, phát triển thị trường nội địa, Tổng công ty đang tiếp tục đẩy mạnh công tác tái cơ cấu, đổi mới phương thức quản lý đối với hoạt động của hệ thống mạng lưới kinh doanh thương mại nội địa, đồng thời tiếp tục cải tạo, nâng cấp, chỉnh trang lại và mở mới một số Siêu thị, cửa hàng tiện ích Hapromart; Tiếp tục mở rộng và phát triển hệ thống Siêu thị mang thương hiệu Unimart-Seika. Trong năm 2016, Tổng công ty đã tiến hành khai trương thêm 03 Siêu thị Unimart-Seika tại D2 Giảng Võ, 151 Lê Đại Hành và số 01 Lý Nam Đế, Hà Nội.

Bên cạnh đó, Tổng công ty tiếp tục tích cực tham gia các chương trình XTTM, liên kết giữa các địa phương, vùng miền; chủ động phát triển mối liên kết, hợp tác với các doanh nghiệp sản xuất, cung ứng sản phẩm để khai thác, phát triển nguồn hàng kinh doanh và phân phối, góp phần nâng cao chất lượng cung cấp các sản phẩm dịch vụ, tăng tính cạnh tranh cho hệ thống như chương trình phát triển vùng Tây Bắc, chương trình xúc tiến thương mại miền Tây Nam Bộ, vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long..

*** Về kinh doanh xuất khẩu:**

Trước tác động của tình hình thế giới, nhu cầu và thị trường xuất khẩu vẫn chưa có sự tăng trưởng tốt, các đơn vị thuộc TCT cũng đã cố gắng và nỗ lực trong việc tận dụng cơ hội về mùa vụ, tập trung nguồn lực, ưu tiên đẩy mạnh xuất khẩu một số mặt hàng chủ lực và đạt được một số kết quả. Tổng kim ngạch ước đạt 158,9 triệu USD, đạt 99% kế hoạch năm, bằng 104% so với thực hiện năm 2015, trong đó Công ty Mẹ - TCT vẫn là đơn vị chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng kim ngạch xuất khẩu của TCT.

Một số mặt hàng chủ lực của TCT đã có sự tăng trưởng tương đối tốt như: Mặt hàng Hạt điều; gạo, cafe; mặt hàng Thủ công mỹ nghệ... Bên cạnh đó, TCT vẫn tiếp tục duy trì được một số thị trường truyền thống; đã nỗ lực tìm kiếm, phát triển và khai thác được một số khách hàng, mặt hàng mới tại thị trường như: Châu Phi, Khu vực Đông Âu, Singapore; tiếp tục tập trung cơ cấu ổn định lại hoạt động sản xuất và đầu tư phát triển các cơ sở, nhà máy chế biến theo định hướng chủ động về nguồn hàng phục vụ hoạt động xuất khẩu như: tái cơ cấu chuyên giao mảng xuất khẩu hàng thủ công mỹ nghệ từ Chi nhánh TP.HCM sang Công ty Haprosimex Sài Gòn; đẩy mạnh mảng xuất khẩu và chế biến điều của Công ty CP SXKD Điều Hapro Bình Phước,....

Với mục tiêu đẩy mạnh hoạt động XK, bên cạnh việc tiếp tục mở rộng sự hợp tác, tạo lập và phát triển mối liên kết giữa các đơn vị trong TCT, hình thành các chân hàng và bạn hàng vệ tinh, Tổng công ty vẫn đang tiếp tục đẩy mạnh hoạt động XTTM, khảo sát thị trường sang một số thị trường trọng điểm, có nhiều tiềm năng như: Châu Phi (Angola, Mozambique,...), Cuba và một số nước Châu Âu và khu vực Đông Âu,... để đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu, cũng như tìm kiếm nguồn hàng nhập khẩu về phục vụ cho nhu cầu phân phối, tiêu dùng trong nước.

*** Công tác cổ phần hóa và đổi mới doanh nghiệp:**

- Về tiến độ cổ phần hóa các Công ty TNHH MTV 100% vốn nhà nước:

Tính đến thời điểm hiện tại, Tổng công ty đã thực hiện xong CPH 6 Công ty TNHH MTV 100% vốn nhà nước trực thuộc Công ty mẹ-TCT. Các Công ty đã tổ chức đại Hội đồng cổ đông lần đầu và đã được Sở KHĐT Hà nội cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và chính thức hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần.

- Về tình hình triển khai và kết quả thực hiện công tác thoái vốn: Các công ty đã thực hiện xong quy trình thoái vốn nhà nước theo đúng lộ trình kế hoạch.

- Về tình hình triển khai phương án Cổ phần hóa Công ty Mẹ - TCT:

Trong năm 2016, Tổng công ty đã và đang tích cực chỉ đạo triển khai để thực hiện đúng tiến độ các bước trong quy trình cổ phần hóa Công ty Mẹ -TCT.

Tính đến thời điểm hiện tại, Tổng công ty về cơ bản đã hoàn thành phương án sử dụng Lao động, Phương án sử dụng nhà, đất; Phương án SXKD sau cổ phần hóa; hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp... được liên ngành thẩm định và thống nhất.

*** Công tác đối ngoại, xúc tiến thương mại :**

- Công tác phát triển thị trường trong nước:

+ Đã tổ chức và phối hợp tổ chức thành công các sự kiện lớn của Tổng công ty trong năm như: Khai trương TTTM Hapro Bắc Giang; Khai trương siêu thị Unimart-Seika; chương trình chào bán hàng, đối ngoại và các chương trình Khai trương chợ Tết; Hội nghị đối ngoại TCT; Hội nghị khách hàng và kết nối giao thương giữa các Doanh nghiệp ...

+ Tiếp tục giữ vai trò làm đầu mối gặp gỡ, tiếp xúc, làm việc với các Sở ban ngành, Hiệp hội, doanh nghiệp các tỉnh thành trong cả nước; tham gia các chương trình XTTM, kết nối giao

thương với các tỉnh thành phố như: Hải Dương, Hưng Yên, Bắc Giang, Lạng Sơn, Bình Thuận... để tìm kiếm nguồn hàng cho hệ thống bán lẻ và xuất khẩu của TCT;

- Tiếp tục duy trì và phát triển mối quan hệ với các hiệp hội, tổ chức XTTM, đối tác chiến lược: Tham dự các chương trình hội nghị, hội thảo của các Hiệp hội, các Tổ chức XTTM trong nước, VCCI nhằm tháo gỡ đẫy mạnh XK và cập nhật các thông tin về chính sách pháp luật của nhà nước, tận dụng tối đa các chương trình ưu đãi dành cho doanh nghiệp.

- *Công tác phát triển quan hệ nước ngoài:* Tiếp tục duy trì các mối quan hệ chặt chẽ với các tổ chức XTTM trong nước; các tổ chức quốc tế, ĐSQ nước ngoài, các tổ chức Quốc tế tại Việt nam, các cơ quan đại diện của Việt Nam tại nước ngoài và thông qua các kênh hội thảo, hội nghị,...;

+ Tổ chức các đoàn công tác cho Lãnh đạo và các đơn vị trong Tổng công ty đi tham dự Hội chợ và kết hợp khảo sát thị trường ở các nước như: Nigeria, Hội chợ Dubai, Angola – Mozambique; kết nối giao thương Pháp – Hà Lan; Hội chợ Algieria, Hội chợ Philippine; Hội chợ Thaifex; Úc – Newzealand; Hàn Quốc; Côn Minh – Trung Quốc; Hội chợ kết hợp khảo sát thị trường Hoa Kỳ, Hội chợ Sial – Pari, Hội chợ Gạo Thái lan ...

- Tiếp xúc, giao lưu gặp gỡ với các đối tác Nhật Bản, Hàn Quốc, Thái lan, Nga, Tây Ban nha, Ý, Thổ Nhĩ Kỳ, Cu Ba,... do cơ quan đại diện nước ngoài, Thương vụ và VCCI giới thiệu đến thăm quan và tìm hiểu nhu cầu hợp tác. Phối hợp với các đơn vị để xây dựng các chương trình xúc tiến khảo sát tại Hội chợ quốc tế năm 2016 để đánh giá nhu cầu về hàng hóa, gặp gỡ, trao đổi với đối tác và tìm hiểu sức mua, thị hiếu của khách hàng.

*** Công tác quản trị thương hiệu và Marketing:**

- Tiếp tục giữ vai trò chủ trì trong việc xây dựng và triển khai các chương trình xúc tiến bán hàng, các chương trình sự kiện; trong đó đã triển khai được các chương trình xúc tiến bán hàng của TCT trong dịp ngày Lễ, Tết trong năm, tham gia Hội chợ Expo, chương trình tháng khuyến mại 2016 và chương trình hành động vì quyền lợi người tiêu dùng do Thành phố phát động; duy trì hoạt động khai thác các tài nguyên quảng cáo và phí sử dụng nhãn hiệu.

- Tập trung vào công tác quản lý hình ảnh, thương hiệu và giám sát việc sử dụng nhãn hiệu của TCT tại hệ thống thương mại nội địa và các đơn vị trong TCT; Tiếp tục theo dõi, đề xuất và đăng ký các chương trình, giải thưởng hiệu của Tổng công ty như: 04 lần liên tiếp đạt “Thương hiệu quốc gia”; Top 500 doanh nghiệp Việt Nam; giải thưởng Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín...

- Về cơ bản đã hoàn thành Kế hoạch quảng bá thương hiệu TCT trên các phương tiện truyền hình và báo chí, trên cơ sở thiết lập được mối quan hệ truyền thông với các cơ quan báo chí, phát thanh - truyền hình từ Trung ương đến địa phương; Thực hiện truyền thông về hoạt động SXKD của TCT và các chương trình, sự kiện truyền thông cụ thể của TCT,...

*** Công tác đầu tư và quản lý mạng lưới:**

- Về công tác đầu tư: tiếp tục đẩy mạnh công tác xác hội hóa đầu tư, khai thác hạ tầng thương mại, tiếp tục xây dựng và triển khai phương án khai thác đối với một số địa điểm dự án như: 38-40 Lê Thái Tô; số 5 Lê Duẩn; 47 Cát Linh...

Tiếp tục thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư một số dự án của TCT như: Dự án Điểm đỗ xe, Trung tâm phân phối và mua sắm tại Hải Bối; Dự án Dương Xá; Dự án Chợ Đầu mối Phía Nam,...; đồng thời rà soát lại một số các dự án dở dang để xây dựng phương án xử lý, đảm bảo hiệu quả của dự án sau này.

- Về công tác quản lý mạng lưới: bên cạnh việc tiếp tục thực hiện công tác quản lý, theo dõi, ký hợp đồng thuê nhà, đất với các cơ quan nhà nước và nghiên cứu đề xuất phương án xử lý, khai thác để nâng cao hiệu quả tại các địa điểm, mạng lưới; Tổng công ty đã tiến hành rà soát, phân loại, củng cố hồ sơ pháp lý để xây dựng phương án sử dụng mạng lưới của Tổng công ty sau cổ phần hóa. Ngày 21/11/2016, UBND Thành phố đã có Quyết định phê duyệt phương án sử dụng cơ sở nhà, đất sau cổ phần hóa Công ty Mẹ - Tổng công ty Thương mại Hà Nội

II- Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

- 1- Kỳ kế toán năm (bắt đầu từ ngày 01/01/2016 kết thúc vào ngày 31/12/2016).
- 2- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam

III- Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

- 1- Chế độ kế toán áp dụng: Chế độ kế toán doanh nghiệp
- 2- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán: Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.
- 3- Hình thức kế toán áp dụng: Áp dụng kế toán phần mềm trên máy vi tính.

IV- Các chính sách kế toán áp dụng

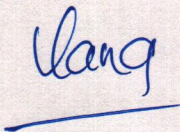
- 1- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền.
Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán.
- 2- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:
 - Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Tồn kho theo giá mua thực tế
 - Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: kê khai thường xuyên
 - Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên
 - Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.
- 3- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ:
 - Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ (Hữu hình, vô hình, thuê tài chính): Theo nguyên giá và giá trị còn lại của TSCĐ.
 - Phương pháp khấu hao TSCĐ (Hữu hình, vô hình, thuê tài chính): Theo phương pháp đường thẳng.
- 4- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư:
 - Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư
 - Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư
- 5- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:
 - Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát: Vốn chủ sở hữu
 - Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn: Giá gốc
 - Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác: Giá gốc

- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn: Trên cơ sở các loại chứng khoán được lập dự phòng
- 6- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay:
 - Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: Ghi nhận vào TK 635
 - Tỷ lệ vốn hóa được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ: Ghi nhận vào TK 241
- 7- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác:
 - Chi phí trả trước: Hạch toán các khoản chi phí theo đúng quy định phân bổ nhiều lần vào chi phí SXKD (TK 142 phân bổ trong 1 năm, TK 242 phân bổ trên 1 năm)
 - Chi phí khác.
 - Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Đường thẳng
 - Phương pháp và thời gian phân bổ lợi thế thương mại.
- 8- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả.
- 9- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả.
- 10- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu: Theo quyết định giao vốn Nhà Nước
 - Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu.
 - Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch đánh giá lại tài sản.
 - Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá: Tuân thủ chuẩn mực số 10
 - Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: Ghi nhận lợi nhuận sau thuế TNDN và quy định của TT 33, 64 và quy chế của TCT.
- 11- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:
 - Doanh thu bán hàng: Tuân thủ 05 điều kiện ghi nhận DT quy định tại CM số 14
 - Doanh thu cung cấp dịch vụ: Tuân thủ 04 điều kiện ghi nhận DT cung cấp DV tại CM số 14
 - Doanh thu hoạt động tài chính: Tuân thủ 02 điều kiện ghi nhận DT hoạt động TC quy định tại CM số 14
 - Doanh thu hợp đồng xây dựng.
- 12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính: Tuân thủ các chuẩn mực có liên quan (Không bù trừ doanh thu hoạt động tài chính)
- 13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: Tuân thủ luật thuế TNDN và các thông tư hướng dẫn, chuẩn mực 17
- 14- Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái: Không có
- 15- Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác.

Lập, ngày 30 tháng 3. năm 2017

Người lập biểu

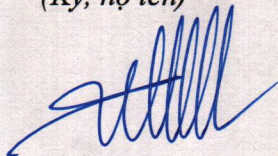
(Ký, họ tên)



Nguyễn Thu Hằng

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)



Đỗ Tuệ Tâm

Tổng giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Vũ Thanh Sơn